**ĐỀ THI VÀO 10 – DỰ ÁN 2**

**THƠ SONG THẤT LỤC BÁT – BÀI VĂN NLVH**

**I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước*
*Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.*
*Ngoài rèm thước chẳng mách tin*
*Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?*

*Đèn có biết dường bằng chẳng biết,*
*Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.*
*Buồn rầu nói chẳng nên lời,*
*Hoa đèn kia với bóng người khá thương.*

 (Trích *Chinh phụ ngâm* - Đặng Trần Côn)

**Câu 1.** Đoạn trích được viết theo thể thơ nào?

**Câu 2.** Xác định bối cảnh không gian và thời gian trong đoạn trích.

**Câu 3.** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong các câu thơ sau:

*Ngoài rèm thước chẳng mách tin*
*Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?*

*Đèn có biết dường bằng chẳng biết,*

*Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.*

**Câu 4.** Tác giả đã dùng yếu tố ngoại cảnh nào để diễn tả tâm trạng người chinh phụ ? Ý nghĩa của yếu tố đó ?

**Câu 5.** Đoạn trích gợi cho em suy nghĩ như thế nào về số phận người phụ nữ trong cuộc chiến tranh phi nghĩa?

**II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)**

**Câu 1: Nghị luận xã hội**

*Cuộc sống là một đường chạy tiếp sức, nếu không đoàn kết sẽ không thể thành công.* Viết bài văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về tinh thần đoàn kết trong cuộc sống.

**Câu 2: Nghị luận văn học**

***Nỗi buồn quả phụ***

*“Buồn trông trăng, trăng mờ thêm tủi:*

*Gương Hằng Nga đã bụi màu trong!*

*Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,*

*Thiên duyên lạnh lẽo, đêm đông biên hà.*

*Buồn xem hoa, hoa buồn thêm thẹn:*

*Cánh hải đường đã quyện giọt sương!*

*Trông chim càng dễ đoạn trường:*

*Uyên ương chiếc bóng, phượng hoàng lẻ đôi.*

*Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy.*

*Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu!*

*Phút giây bãi biển nương dâu,*

*Cuộc đời là thế, biết hầu nài sao?”*

(Trích *Ai tư vãn* - Lê Ngọc Hân)

Qua đoạn văn bản trên, anh (chị) hãy viết bài văn nghị luận cảm nhận nỗi buồn người quả phụ.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | **1** | Đoạn trích được viết theo thể thơ song thất lục bát***Hướng dẫn chấm****:**- Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm.**- Câu trả lời khác hoặc không trả lời : 0 điểm* | 0,5 |
| **2** |  Bối cảnh không gian và thời gian- Không gian: *hiên vắng, ngoài rèm, trong rèm* -> vắng lặng hiu hắt- Thời gian: + Ban ngày (*thước chẳng mách tin)*+ Ban đêm (*đèn biết chăng*…)  ***Hướng dẫn chấm:****- Học sinh trả lời như đáp án: 0.5 điểm.**- Học sinh trả lời được nửa ý: 0.25 điểm**- Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0 điểm* | 0,5 |
| **3** | - Biện pháp nghệ thuật:+ Điệp ngữ bắc cầu (*đèn biết chăng – đèn chẳng biết*).  Điệp từ *“biết”*kết hợp với việc luyến láy âm *“iết”*+ Câu hỏi tu từ (*đèn biết chăng – đèn có biết*).- Tác dụng: Các biện pháp nghệ thuật trên càng làm tâm trạng người chinh phụ thêm day dứt, khắc khoải hơn. Làm cho câu thơ vang lên âm điệu da diết, hay cũng chính là âm vang của cõi lòng căng thẳng đợi chờ trong vô vọng.***Hướng dẫn chấm****:**- Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm.**- Học sinh trả lời được biện pháp tu từ vfa không chỉ ra được tác dụng: 0.5 điểm**- Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0 điểm* | 1,0 |
| **4** | - Tác giả đã dùng yếu tố ngoại cảnh ngọn đèn trong đêm để diễn tả tâm trạng người chinh phụ.- Ý nghĩa: Trong biết bao đêm trường cô tịch, người chinh phụ chỉ có người bân duy nhất là ngọn đèn. Tả đèn chính là để tả không gian mênh mông, và sự cô đơn của con người. Người chinh phụ đối diện với bóng mình qua ánh đèn leo lắt trong đêm thẳm. Hoa đèn với bóng người hiện lên thật tội nghiệp.***Hướng dẫn chấm****:**- Học sinh trả lời như đáp án (chấp nhận những cách diễn đạt khác nhưng đảm bảo đúng ý): 1,0 điểm.**- Học sinh trả lời được nửa ý: 0.5 điểm**- Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0 điểm*  | 1,0 |
| **5** | Gợi ý:- Qua đoạn trích ta thấy được tình cảnh cô đơn, lẻ loi, nỗi khát khao hạnh phúc lứa đôi của người phụ nữ trong xã hội phong kiến khi có chồng ra trận.- Đồng thời tác giả muốn tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa, ngoài ra còn thể hiện sự xót thương, đồng cảm với thân phận người phụ nữ, trân trọng, đề cao niềm khao khát hạnh phúc lứa đôi, hạnh phúc gia đình.***Hướng dẫn chấm****:**- Học sinh trả lời như đáp án (chấp nhận những cách diễn đạt khác nhưng đảm bảo đúng ý): 1,0 điểm.**- Học sinh trả lời được nửa ý: 0.5 điểm**- Học sinh trả lời không đúng hoặc không trả lời: 0 điểm*  | 1,0 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **6,0** |
|  | **1** | Cuộc sống là một đường chạy tiếp sức, nếu không đoàn kết sẽ không thể thành công.**Viết bài văn nghị luận (khoảng 200 chữ) bày tỏ ý kiến của anh/chị về tinh thần đoàn kết trong cuộc sống.** | ***2,0*** |
| *a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn*Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng của đoạn văn (khoảng 200 chữ). Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành. | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:* tinh thần đoàn kết trong cuộc sống. | 0,25 |
| *c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận*- Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận. Sau đây là một số gợi ý: \* ***Mở đoạn:*** Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề.\* ***Thân đoạn***:-Giải thích vấn đềnghị luận: tinh thần đoàn kết là sự hợp tác, chung vai sát cánh, tương trợ lẫn nhau giữa những người cùng mục đích, chí hướng.- Thể hiện quan điểm của người viết, có thể theo một số gợi ý sau:+ Khẳng định tinh thần đoàn kết thực sự cần thiết trong cuộc sống.+ Vì cuộc sống có nhiều thử thách bất ngờ (thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh), đặt ra những bài toán nan giải và lâu dài mà một cá nhân khó giải quyết được nếu không có trí tuệ, sức mạnh tập thể, vì thế đòi hỏi con người phải đoàn kết.+ Ý nghĩa của sự đoàn kết: Giúp mỗi cá nhân không cô đơn, lẻ loi; Tiếp thêm động lực cho mỗi người vượt qua khó khăn; Tạo ra sự gắn kết, thống nhất cao làm nên sức mạnh tinh thần, trí tuệ của tập thể; Lan tỏa tinh thần đoàn kết, họp tác đến mọi người...(Chứng minh về sức mạnh của tình đoàn kết trong cuộc sống)+ Mở rộng: Đoàn kết khác với tư tưởng bao che, dung túng cho đồng đội; phê phán sự chia rẽ, bè phái...***\* Kết đoạn:***  Khẳng định lại quan điểm cá nhân đã trình bày và rút ra bài học cho bản thân.  | 0,5 |
| *d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:*- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: tinh thần đoàn kết trong cuộc sống.- Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý.- Lập luận chặt, thuyết phục: Lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. | 0,5 |
| *đ. Diễn đạt:* Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn. | 0,25 |
| *e. Sáng tạo:* Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,25 |
| **2** | **Qua đoạn văn bản, anh (chị) hãy viết bài văn nghị luận cảm nhận nỗi buồn người quả phụ.** | ***4,0*** |
|  | *a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài:* Nghị luận văn học | 0.25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:* cảm nhận nỗi buồn người quả phụ. | 0.5 |
| *c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề cuả bài viết:*- Xác định được các ý chính của bài viết.- Sắp xếp được các ý hợp lý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận:**1. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**- Lê Ngọc Hân hay còn gọi là công chúa Ngọc Hân, là con gái thứ 21 của vua Lê Hiển Tông. Nàng là một người con gái tài sắc vẹn toàn, từ nhỏ đã tinh thông kinh sử và biết làm thơ. Năm 16 được, Ngọc Hân vâng lời vua cha kết duyên cùng Nguyễn Huệ. Dù cuộc hôn nhân này nhằm mục đích chính trị nhưng tình cảm của hai người dành cho nhau sớm đã mặn nồng. Hạnh phúc không được bao lâu thì đến năm 1792, vua Quang Trung đột ngột qua đời, để lại cho nàng hai đứa con nhỏ. Cũng chính vì thế mà bài thơ “Ai tư vãn” được ra đời.***-*** *Nỗi buồn quả phụ* là một trong những đoạn trích đặc sắc nhất được trích từ tác phẩm Ai tư vãn của Lê Ngọc Hân.***-*** Đoạn trích đã để lại trong lòng người đọc những day dứt khó quên bởi chính nỗi đau xé triền miên của một người quả phụ khóc thương cho người chồng của mình.**2. Thân bài: Phân tích đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích** - “Ai tư vãn” có nghĩa là “Bài vãn ca về nỗi buồn đau tưởng nhớ”. Như chính tên gọi của nó, bài thơ là tiếng khóc thành thơ, là nỗi buồn đau khôn xiết của công chúa Ngọc Hân khi biết người chồng yêu quý của mình đã không còn tồn tại trên cõi đời.- Đoạn trích “*Nỗi buồn quả phụ*” thuộc phần cuối, thể hiện rất rõ tư tưởng chính của tác phẩm cũng như tài năng văn chương của công chúa Ngọc Hân.**a. Khổ thơ 1, 2:****- Hình ảnh:**+ “*Trăng*” là một hình ảnh thường hay xuất hiện trong thơ ca trung đại. Trăng đại diện cho những điều đẹp đẽ, cho hẹn ước của đôi lứa, cho cả những khát vọng chưa thể thực hiện. Người quả phụ đứng trước nỗi buồn, ngước nhìn lên trăng với mong ước giải bớt nỗi u sầu nhưng thật khó vì trăng cũng không còn trọn trịa, đầy đặn như một thời quá khứ viên mãn. + Đứng trước gương, gương soi chiếu hình ảnh của chính mình, thi sĩ lại càng thấy hổ thẹn với lòng mình hơn. + “*Thiên duyên lạnh lẽo, đêm đông biên hà*”: ngỡ là một mối lương duyên trời ban, nhưng khi đứng trước thực tại âm dương cách biệt, nhìn lại hiện thực phũ phàng, chỉ thấy lòng người càng thêm lạnh giá. Thương cho chồng chốn biên cương lạnh lẽo, cũng thương cho số phận hẩm hui của chính mình.+ “*Hoa buồn*”, “*Cánh hải đường đã quyện giọt sương*”: hoa hải đường là loài hoa tượng trưng cho sự may mắn, tốt đẹp. Nhưng nay hải đường đã quyện sương, hay chính ý tác giả là hải đường đang khóc như là một điềm gở. Thiên nhiên cũng khóc thương cho chuyện tình của nàng.+ “*Trông chim càng dễ đoạn trường/ Uyên ương chiếc bóng, phượng hoàng lẻ đôi”:* trông chim bay thì thấy chim tan đà lẻ bóng, uyên ương nay chỉ còn lại chiếc bóng, phượng hoàng cùng chỉ còn là lẻ đôi. Nhìn vào đâu đâu cũng chỉ thấy sự chia lìa xa cách.**- Từ ngữ:** + Các từ ngữ: “*buồn*”, “*tủi*”, “*thẹn*”, “*lạnh lẽo*”, “*quyện*”, “*lẻ đôi*”... góp phần làm tăng thêm màu sắc u buồn, bi lụy cho câu thơ; nhấn mạnh và xoáy sâu vào trong nỗi buồn của người quả phụ.**- Biện pháp tu từ:** + Điệp từ, điệp cấu trúc “*Buồn trông*”, “*buồn xem*”, “*nhìn gương*”, “*trông chim*”... đã góp phần thể hiện tâm trạng: khiến cho nỗi buồn cứ trở đi trở lại trong những vần thơ, mang một cảm thức não nùng thê lương. Cũng như giúp cho bài thơ trở nên nhịp nhàng, uyển chuyển, tăng thêm giá trị nghệ thuật cho bài thơ. + Nhân hóa; hoa buồn, uyên ương chiếc bóng, phượng hoàng lẻ đôi => Làm cho vạn vật trở nên có hồn hơn, từ đó nỗi sầu cũng bao trọn không gian. **b. Khổ 3:****- Hình ảnh:***+ “Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy/ Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu!”:* Ngắm nhìn cảnh vật, người quả phụ chỉ thấy một màu đau buồn tang tóc. Trở về thực tại, về với chính cõi lòng của mình, nàng thấy tiếc thương cho những tháng năm hạnh phúc trong quá khứ, cho cuộc tình oái ăm này.+ Thành ngữ “*Bãi bể nương dâu*” được tác giả sử dụng để chỉ những biến cố, những thay đổi lớn trong cuộc đời. Ở đây, đó chính là cái chết của vua Quang Trung, một sự mất mát vô cùng to lớn trong cuộc đời của công chúa Ngọc Hân.**- Từ ngữ:** “*ngùi ngùi*”, “*còn thấy chi đâu*”, “*bãi biển nương dâu*”... có tác dụng trong việc miêu tả một cuộc đời không mấy thuận lợi. Làm tăng thêm nỗi buồn, sự ai thán về cuộc đời của người quả phụ.**- Biện pháp tu từ:** Việc sử dụng thành ngữ cùng với câu hỏi tu từ “*cuộc đời là thế, biết hầu nài sao?*” như chính là một lời trách cứ cho số phận của mình, cũng như thể hiện sự bất lực của nàng trước sự xoay chuyển của cuộc đời. **3. Đánh giá chung****- Nghệ thuật:** + Bút pháp tả cảnh ngụ tình: Nỗi buồn của nàng đã ngấm sâu vào trong cảnh vật, làm cho mọi thứ nhuốm một màu sắc bi thương, u tối.+ Giọng điệu u buồn, xót xa.+ Việc sử dụng từ ngữ, hình ảnh chọn lọc cùng các biện pháp tu từ độc đáo cũng đã góp phần làm nên thành công của đoạn trích. **- Nội dung:** Đoạn trích “Nỗi buồn quả phụ” khắc họa nỗi buồn triên miên của người phụ nữ cũng như thể hiện tình yêu của bà dành cho vua Quang Trung. **4. Liên hệ mở rộng**Có thể liên hệ với một số câu thơ cũng viết về tình cảnh lẻ loi, cô đơn hoặc sự buồn tủi của người phụ nữ trong văn học trung đại. Ví dụ: Sự lẻ loi, cô đơn, luôn ngóng trông người chồng mình trở về của người chinh phụ trong “Chinh phụ ngâm” của Đặng Trần Côn**\* Kết bài:** Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm  | 1.0 |
| *d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:*- Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân.- Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận.- Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: Lí lẽ xác đáng, bằng chứng tiêu biểu, phù hợp, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và bằng chứng.*Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.* | 1.5 |
| *đ. Diễn đạt:* Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản | 0.25 |
| *e. Sáng tạo:* Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | **10,0** |

**ĐỀ THI VÀO LỚP 10 THPT 2025-2026**

**MÔN THI : NGỮ VĂN 9**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm) Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:**

**VĂN TẾ THẬP LOẠI CHÚNG SINH ( Nguyễn Du)**

…Cũng có kẻ mắc vào khóa lính

 Bỏ cửa nhà gồng gánh việc quan

 Nước khe cơm vắt gian nan

 Dãi dầu nghìn dặm lầm than một đời

 Buổi chiến trận mạng người như rác

Phận đã đành đạn lạc tên rơi

 Lập lòe ngọn lửa ma trơi

 Tiếng oan văng vẳng tối trời càng thương!

Cũng có kẻ lỡ làng một kiếp

 Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa

Ngẩn ngơ khi trở về già

 Ai chồng con tá biết là cậy ai?

 Sống đã chịu một đời phiền não

Thác lại nhờ hớp cháo lá đa

 Đau đớn thay phận đàn bà,

Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?

Cũng có kẻ nằm cầu gối đất

 Dõi tháng ngày hành khất ngược xuôi

 Thương thay cũng một kiếp người

 Sống nhờ hàng xứ chết vùi đường quan.

………………………

 (<https://www.thivien.net>)

*Chú thích:*

- Văn tế thập loại chúng sinh là một tác phẩm xuất sắc của đại thi hào Nguyễn Du. Văn tế được viết bằng tiếng Nôm và hiện chưa rõ thời điểm sáng tác cụ thể. Theo như văn bản do Đàm Quang Thiện hiệu chú lại thì Nguyễn Du đã viết bài văn tế này sau khi chứng kiến một mùa dịch khủng khiếp làm hàng triệu người chết, khắp nơi âm khí nặng nề và ở các chùa người ta đều lập đàn cầu siêu giải thoát cho hàng triệu linh hồn. Tuy nhiên, Giáo sư Hoàng Xuân Hãn thì lại cho rằng có lẽ đại thi hào đã viết tác phẩm này trước cả Truyện Kiều, tức là lúc Nguyễn Du còn làm cai bạ ở Quảng Bình (1802-1812).

**Câu 1**: Trong đoạn trích trên, đối tượng chiêu hồn là những ai?

**Câu 2:** Nguyễn Du đã dùng những hình ảnh nào để gợi tả cuộc sống của những người mắc vào khóa lính?

**Câu 3:**  Yếu tố “ thác” trong câu thơ “Thác lại nhờ hớp cháo lá đa” có đồng âm với yếu tố “thác” trong từ “ thoái thác” không? Vì sao?

**Câu 4:** Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau:

 Buổi chiến trận mạng người như rác

 Phận đã đành đạn lạc tên rơi

**Câu 5:** Qua đoạn trích trên, em rút ra cho mình thông điệp gì sâu sắc nhất?

**Phần II: Viết ( 6,0 điểm)**

**Câu 1: ( 2,0 điểm)** Em hãy viết đoạn văn ( khoảng 200 chữ) đề xuất những giải pháp phù hợp để bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong tình hình hiện nay.

**Câu 2 (4,0 điểm)** Em hãy viết bài văn phân tích đoạn thơ được trích từ bài “ Văn tế thập loại chúng sinh” của Nguyễn Du ở phần Đọc – hiểu.

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

**Môn: NGỮ VĂN 9**

*(Hướng dẫn chấm gồm có .... trang)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I.ĐỌC HIỂU** | 1 | Đối tượng chiêu hồn trong đoạn trích là: Những người mắc vào khóa lính, những người phụ nữ lỡ làng một kiếp, và những người hành khất. | 0,5 |
| 2 | Nguyễn Du dùng những hình ảnh sau để gợi tả cuộc sống của những người mắc vào khóa lính:**-** Nguyễn Du gợi cuộc sống gian nan, đau khổ của những người mắc nạn khoa lính qua các hình ảnh: “Bỏ cửa nhà , "nước khe cơm vắt", "dãi dầu nghìn dặm", và cái chết trên chiến trường "mạng người như rác". | 0,5 |
| 3 | -Yếu tố “ thác” trong câu thơ “Thác lại nhờ hớp cháo lá đa” đồng âm với yếu tố “thác” trong từ “ thoái thác” . Vì:+ “Thác” trong câu thơ “Thác lại nhờ hớp cháo lá đa” có nghĩa là chết.+ “ thác” trong từ “ thoái thác” có nghĩa là viện cớ để từ chối việc gì đó. =>Nghĩa của hai yếu tố này khác nhau nên chúng là yếu tố đồng âm | 1,0 |
| 4 | Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ sau: Buổi chiến trận mạng người như rácPhận đã đành đạn lạc tên rơi-Biện pháp tu từ so sánh: mạng người như rác-Tác dụng: so sánh số phận của những người lính với cỏ rác thể hiện tính mạng họ bị coi thường, vô giá trị trong chiến tranh. Qua đó vừa nhấn mạnh sự khắc nghiệt và tàn khốc của chiến trận, đồng thời phản ánh cái nhìn cảm thương sâu sắc của Nguyễn Du đối với nỗi đau khổ của con người.  | 1,0 |
| 5 | Học sinh trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề đặt ra và lý giải hợp lý. HS có thể đưa ra suy nghĩ riêng của mình về vấn đề, tuy nhiên cần phù hợp với đạo đức, pháp luật. Sau đây là một gợi ý:VD: Con người cần quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau, vì:+ Khi nhận được sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ, mỗi người sẽ có động lực và niềm tin để vượt qua khó khăn, thử thách. Nhờ đó, cuộc sống sẽ tràn ngập tình yêu thương, niềm vui và hạnh phúc.+ Sự cảm thông, chia se giúp chúng ta hiểu biết sâu sắc hơn về thế giới xung quanh, dễ rung cảm với những biến động của cuộc sống, đồng thời phát triển các kỹ năng giao tiếp, giải quyết vấn đề hiệu quả hơn.+ Người biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ sẽ nhận được sự yêu quý, tôn trọng của mọi người.+ Sự cảm thông và chia sẻ còn là nền tảng cần thiết cho một xã hội lành mạnh, văn minh và phát triển. | 1,0 |
| **II:VIẾT** | 1 | **Viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) trình bày giải pháp để bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong tình hình hiện nay.****a) Đảm bảo hình thức của một đoạn văn nghị luận :** Có đủ mở đoạn, thân đoạn, kết đoạnb**) Xác định đúng vấn đề nghị luận:** bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong tình hình hiện nayc**) Triển khai vấn đề một cách mạch lạc, lập luận chặt chẽ, vận dụng tốt các thao tác lập luận** Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng phải làm rõ được vấn đề nghị luận. Dưới đây là *một hướng giải quyết*: **1. Giải thích vấn đề****-Biến đổi khí hậu:** Là sự thay đổi của khí hậu do tác động của con người, chủ yếu là do việc thải ra quá nhiều khí nhà kính như CO2…**-Ô nhiễm môi trường:** Là tình trạng môi trường bị ô nhiễm bởi các chất thải từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt của con người. …..**=> Biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường làm cho môi trường sống của con người thay đổi theo chiều hướng tiêu cực, ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống.** **2. Thực trạng:** nhiệt độ trung bình toàn cầu đã tăng khoảng 1 độ C so với thời kỳ tiền công nghiệp, mực nước biển dâng cao đe dọa hạn hán và lũ lụt diễn ra thường xuyên hơn.**3. Nguyên nhân:** sử dụng quá mức nhiên liệu hóa thạch, phá rừng và khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức, ý thức bảo vệ môi trường của người dân còn hạn chế.**Hậu quả:** Thiên tai, dịch bệnh gia tăng, mất đa dạng sinh học, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người, kinh tế bị thiệt hại nặng nề.**4. Giải pháp****- Tiết kiệm năng lượng:** tắt đèn, quạt, điều hòa khi không sử dụng, hạn chế sử dụng các thiết bị điện tử, sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, đi bộ, đi xe đạp, sử dụng phương tiện công cộng **- Giảm thiểu, tái chế và tái sử dụng rác thải:**Phân loại rác tại nguồn, hạn chế sử dụng túi nilon, đồ nhựa dùng một lần, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường , tái chế các vật liệu có thể tái chế (giấy, nhựa, kim loại...).**- Trồng cây xanh:**Tham gia các hoạt động trồng cây của nhà trường, địa phương, trồng cây xanh tại nhà, trường học, khu dân cư, chăm sóc và bảo vệ cây xanh.**- Nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường:**Tìm hiểu về biến đổi khí hậu và các giải pháp bảo vệ môi trường qua sách báo, internet, các chương trình giáo dục.Chia sẻ kiến thức với bạn bè, gia đình và cộng đồng.Tham gia các hoạt động tuyên truyền, vận động bảo vệ môi trường.**=>** Bằng những hành động nhỏ bé nhưng thiết thực, chúng ta có thể góp phần tạo nên sự thay đổi tích cực cho môi trường sống của chúng ta và cho thế hệ tương lai. d**) Sáng tạo:** Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận.e**) Đảm bảo quy tắc dùng từ, đặt câu, chính tả...**  | 2,0 |
| 2 | Viết bài văn phân tích đoạn thơ được trích từ bài “ Văn tế thập loại chúng sinh” của Nguyễn Du ở phần Đọc – hiểua**) Đảm bảo cấu trúc bài văn:** Có đủ mở bài, thân bài, kết bài.**b) Xác định đúng vấn đề:** phân tích đặc sắc nội dung và nghệ thuật của đoạn tríchc**) Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm**; vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. *Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần đảm bảo các ý chính sau:***Mở bài****I. Mở Bài**- Nguyễn Du là đại thi hào của văn học Việt Nam, người đã để lại nhiều tác phẩm giá trị, trong đó "Văn tế thập loại chúng sinh" nổi bật với giá trị hiện thực và giá tri nhân đạo vô cùng sâu sắc. -Giới thiệu về đoạn trích: Đoạn trích không chỉ thể hiện sự đau xót, thương cảm của tác giả đối với những số phận kém may mắn trong xã hội mà còn là lời thức tỉnh về những bất công xã hội và kêu gọi tấm lòng yêu thương, đồng cảm đối với những kiếp người bất hạnh, khổ đau trong cuộc đời.**II. Thân bài:****1.Giới thiệu tác giả và tác phẩm:**-Giới thiệu Nguyễn Du ( 1765- 1820), tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên. Quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.- Nguyễn Du sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống về văn học. - Cuộc đời Nguyễn Du gắn bó sâu sắc với những biến cố lịch sử của giai đoạn cuối thế kỉ XVIII – XIX….- Cuộc đời từng trải, phiêu bạt nhiều năm trên đất Bắc, đi nhiều, tiếp xúc nhiều đã tạo cho Nguyễn Du vốn sống phong phú và niềm thông cảm sâu sắc với những đau khổ của nhân dân. Nguyễn Du là một thiên tài văn học, một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.-Các tác phẩm của ông thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc, lòng cảm thông đối với cuộc sống của con người, nhất là những người nhỏ bé, bất hạnh, ... Bên cạnh đó còn lên án, tố cáo những thế lực đen tối chà đạp con người.- “Văn tế thập loại chúng sinh” là tác phẩm tiêu biểu của Nguyễn Du, thể hiện lòng cảm thông sâu sắc đối với các số phận đau khổ con người trong xã hội xưa.-Giới thiệu đoạn trích: Đoạn trích là niềm thương cảm của tác giả đối với những số phận kém may mắn : người lính, người phụ nữ, người hành khất. **2. Đoạn trích thể hiện sự đau xót, thương cảm của tác giả đối với những số phận kém may mắn trong xã hội**. Đoạn trích phản ánh nỗi đau và sự bất công mà các tầng lớp khác nhau trong xã hội phong kiến phải gánh chịu đựng. Mỗi khổ thơ thể hiện một số phận bi thảm thông qua ngôn từ giàu hình ảnh và cảm xúc:-Khổ thơ đầu: Nói lên niềm cảm thương của nhà thơ đối với những người lính phải rời bỏ gia đình để tham gia chiến tranh:  …Cũng có kẻ mắc vào khóa lính Bỏ cửa nhà gồng gánh việc quan Nước khe cơm vắt gian nan Dãi dầu nghìn dặm lầm than một đời Buổi chiến trận mạng người như rácPhận đã đành đạn lạc tên rơi+ Cụm từ "khóa lính" và "gồng gánh việc quan" cho người lính bắt buộc phải ra đi . Họ vốn găn bó với gia đình, với quê hương, ruộng đồng nhưng vẫn phải giã từ những thứ thân thuộc ấy, đó đã là nỗi khổ đau. + Họ còn phải chịu đựng khó khăn, cực khổ nơi chiến địa: "Nước khe cơm vắt gian nan" và "Dãi dầu nghìn dặm lầm than một đời". Nguyễn Du sử dụng các từ ngữ như "nước khe", "cơm vắt", "dãi dầu" để miêu tả cuộc sống khó khăn, thiếu thốn, vất vả, gian nan của họ+ Câu thơ "Buổi chiến trận mạng người như rác" sử dụng biện pháp tu từ so sánh để chỉ nói lên sự mong manh của số phận con người và sự tàn khốc của chiến tranh=>Khổ thơ đã biểu lộ nỗi đau và sự thương cảm sâu sắc của Nguyễn Du đối với những người lính trong xã hội phong kiến. Nhà thơ phản ánh sự hi sinh lớn lao, gánh nặng mà họ phải chịu , qua đó gián tiếp phản đối những cuộc chiến tranh tàn khốc đã gây đau khổ cho con người. - Khổ thơ thứ hai: là niềm cảm thương của nhà thơ dành cho một cảnh đời khác cũng không kém phần đau khổ: những người phụ nữ vì “ lỡ làng” mà phải “ buôn nguyệt bán hoa”: Cũng có kẻ lỡ làng một kiếpLiều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoaNgẩn ngơ khi trở về giàAi chồng con tá biết là cậy ai?-Câu thơ: "Liều tuổi xanh buôn nguyệt bán hoa" gợi lên hình ảnh của những phụ nữ vì cảnh ngộ đưa đẩy mà phải chấp nhận cảnh đời ô nhục. +"Ngẩn ngơ khi trở về già, Ai chồng con tá biết là cậy ai?": bộc lộ niền cảm thông của nhà thơ với cảnh ngộ của họ: cô đơn và tuyệt vọng khi về già, không còn ai để dựa dẫm.+ Câu hỏi “Đau đớn thay phận đàn bà. Kiếp sinh ra thế biết là tại đâu?” không nhằm tìm câu trả lời cụ thể mà khơi gợi suy ngẫm về bao bất công ngang trái, những khổ đau mà phụ nữ phải chịu. Câu thơ phản ánh một thực tế diễn ra trong xã hội phong kiến, đó là phận đàn bà thường bị coi thường và đối xử tệ bạc. Nguyễn Du bày tỏ sự bất bình và đồng cảm với những khổ đau mà phụ nữ phải gánh chịu.-Khổ thơ thứ ba: Là niềm cảm thương sâu sắc của Nguyễn Du hướng đến những kẻ ăn xin, người nghèo khổ không nơi nương tựa:+"Cũng có kẻ nằm cầu gối đất": gợi hình ảnh người ăn xin nằm co ro trên đất khiến người đọc xót xa. +Những con người đó lúc sống chịu cảnh khốn khó, thiếu thốn. Đến khi ra đi cũng vô cùng khô sở : "Sống nhờ hàng xứ chết vùi đường quan". Sống phụ thuộc vào lòng từ thiện của người khác đến khi chết không được chôn cất tử tế, chỉ được vùi lấp một cách thảm thương. -> Đoạn thơ không chỉ là sự thể hiện nỗi đau của những kiếp người bất hạnh trong xã hội bấy giờ mà còn là tiếng nói phản kháng với bao bất công, ngang trái trong xã hội, gợi lên niềm trắc ẩn và lòng thương người của Nguyễn Du. Qua đó, nhà thơ như muốn thức tỉnh mỗi người hãy thay đổi cách nhìn nhận và đối xử với những số phận bất hạnh. Đoạn trích mang giá trị hiện thức và giá trị nhân đạo sâu sắc. **3. Đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích**: - Nguyễn Du sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, cụ thể và sinh động để khắc họa nỗi đau và số phận của các nhân vật. Các từ ngữ như "mạng người như rác", "nước khe cơm vắt", "dãi dầu nghìn dặm" không chỉ miêu tả chân thực cuộc sống khắc nghiệt của những phận người mỏng manh mà còn gợi lên nhiều cảm xúc xót xa, thương cảm cho người đọc. - Nhà thơ sử dụng kết hợp nhiều biện pháp tu từ như ẩn dụ, so sánh, và nhất là khai thác hiệu quả câu hỏi tu từ, nhằm làm nổi bật nỗi thống khổ của con người và những bất công, ngang trái trong xã hội. - Mỗi khổ thơ đều bắt đầu với "Cũng có kẻ" tạo nên tính nhạc, tăng thêm sự đồng điệu, nhấn mạnh vào sự đa dạng của nỗi đau trong xã hội và tạo ra ám ảnh cho người đọc.-Đặc biệt thể thơ song thất lục bát với cách gieo vần , cách ngắt nhịp đa dạng, phong phú, các câu thơ dài ngắn đan xen, cách sử dụng thanh bằng, thanh trắc linh hoạt khiến câu thơ rất giàu nhạc tính, diễn tả được những cung bậc tính cảm phong phú và gần gũi với điệu hồn của con người Việt Nam. **III. Kết Bài :** Khẳng định của đoạn trích và tài năng, tấm lòng của Nguyễn Du d**) Sáng tạo:** Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận.e**) Đảm bảo quy tắc dùng từ, đặt câu, chính tả...**  | 4,0 |